

Bản án số: 12/2020/HC-PT

Ngày: 16-11-2020

*“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường và bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 211/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: *“Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”.*

Do bản án hành chính sơ thẩm số 09/2020/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn H;

Địa chỉ: 03 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2020);

- **Người bị kiện:** Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Việt H - Phó Cục Trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2020).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B;

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L - Trưởng Bộ phận đăng ký thống kê thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B;

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2020).

2. Chi cục Thuế thành phố B;

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái V - Phó Chi cục Trưởng Chi cục Thuế thành phố B (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2020).

3. Bà Vũ Thị P;

Địa chỉ: 03 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Đỗ Anh T (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H và người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Anh T trình bày:***

Ngày 03/9/2019, ông H làm đơn khiếu nại lần hai gửi đến Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk để khiếu nại toàn bộ Quyết định số 7022/QĐ-CCT, ngày 29/8/2019 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H lần đầu không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 01/8/2019 và giữ nguyên Công văn số: 3159/CCT-TBTK, ngày 19/7/2019 của Chi cục Thuế thành phố B giữ nguyên Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1960501-TK0039619-TB-CCT, ngày 21/6/2019 của Chi cục Thuế thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính 100% lần hai với tổng số tiền 229.824.000đồng phải nộp tại thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 122m², tọa lạc tổ dân phố 3, phường E, thành phố B là trái với quy định tại khoản 1, 2 Điều 100; khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 6 Điều 2 Luật khiếu nại năm 2011. Vì, ông H cho rằng nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 22/9/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường E chứng thực ngày 22/02/2008, được sang tên theo quy định Luật đất đai năm 2003 (Nay là khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013). Nhưng nay hộ ông Nguyễn Văn H làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 105; khoản 2, 3 Điều 106; khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 thì Chi cục Thuế thành phố B lại tính thuế lần thứ 02 là chưa thực hiện đúng với quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011, ông Nguyễn Văn H làm đơn khiếu nại lần 02 gửi đến Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk xem xét hủy toàn bộ Quyết định 7022/QĐ-CCT, ngày 29/8/2019 của Chi cục Trưởng Chi cục thuế thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk không xem xét nguồn gốc đất ở trước ngày 15/10/1993 mà lại cố ý ban hành Quyết định số 2868/QĐ-CT, ngày 14/10/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh

Đắc Lắc về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (Lần hai), tại Điều 1 của Quyết định không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 03/9/2019 của ông Nguyễn Văn H là chưa đúng với khoản 1, 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 (Nay là khoản 1, 2 Điều 100 Luật Đất đai 2013); là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không phải nộp tiền sử dụng đất.

Đồng thời, tại Quyết định số 2868/QĐ-CT, ngày 14/10/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắc Lắc có căn cứ vào Công văn 817 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắc Lắc nhưng giải quyết khiếu nại là không đúng và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật xác định hồ sơ của ông H đã nộp hợp lệ trước ngày 01/7/2014.

Vì vậy, ông H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xem xét giải quyết:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H.

2. Tuyên hủy bỏ Quyết định số 2868/QĐ-CT, ngày 14/10/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắc Lắc về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (Lần hai).

3. Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính thuộc đối tượng không phải nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 (nay là khoản 1, khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) tại thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 122m², địa chỉ tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắc Lắc trình bày:***

Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông H, Cục Trưởng Cục thuế tỉnh Đắc Lắc đã thụ lý đơn khiếu nại và giao cho Phòng kiểm tra nội bộ tham mưu tiến hành các bước giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật như:

Xác minh lại việc Chi cục Thuế thành phố B ban hành Quyết định số 7022/QĐ-CCT, ngày 29/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (lần đầu).

Xác minh việc Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo tiền sử dụng đất số: LTB 1960501-TK0039619-TB-CCT, ngày 21/6/2019 đối với thửa đất số 14A (thửa đất số mới là 60), tờ bản đồ số 33, diện tích 122m² tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc của hộ ông Nguyễn Văn H có nguồn gốc sử dụng: Năm 1986, Hợp tác xã nông nghiệp A cấp cho ông YD lô đất để ở và làm kinh tế vườn. Năm 2004, ông YD sang nhượng cho ông Vũ Đức T một phần diện tích đất không có nhà. Đến năm 2005, ông T làm nhà ở, năm 2005 ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC-976478 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 22/9/2005. Năm 2008, hộ ông T sang nhượng toàn bộ diện tích nhà và đất nói trên cho hộ ông Nguyễn Văn H.

Ngày 08/5/2009, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắc Lắc có Công văn số 817/CV-PC15, về việc xử lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái với quy định của pháp luật; trong đó có thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích

122m² của ông Vũ Đức T và bà Phạm Thị T tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo nội dung Công văn: Năm 2005, ông T liên hệ với một số đối tượng để làm hồ sơ chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường E ghi lùi thời điểm chuyển nhượng về năm 1998 (bộ hồ sơ này làm giả bằng cách photo chữ ký nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, ký giả danh cán bộ địa chính). Hồ sơ này theo quy định phải nộp tiền sử dụng đất. Các cơ quan chức năng giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất trên không phải nộp tiền sử dụng đất gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Ngày 23/7/2009, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 2062/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên với lý do là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái với quy định của pháp luật. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B đã thực hiện lập Biên bản thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 10/01/2018, ông Nguyễn Văn H nộp đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; theo Công văn số 99/CNBMT-ĐKTK, ngày 14/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B về việc trả lời cho ông Nguyễn Văn H, đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 122,2m², địa chỉ tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu ông H nộp lại hồ sơ đối với thửa đất nói trên để làm thủ tục theo quy định.

Ngày 12/6/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số: 1922148/2019/PCTTĐC đến Chi cục Thuế thành phố B để ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 122,2m² địa chỉ tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thông tin phiếu chuyển như sau: Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp giấy chứng nhận lần đầu; thời điểm bắt đầu sử dụng đất là sau ngày 01/7/2004 (Năm 2005)...

Căn cứ vào phiếu chuyển thông tin và hồ sơ, tài liệu có liên quan, ngày 21/6/2019 Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo số: LTB1960501-TK0039619-TB-CCT nộp tiền sử dụng đất (100%) đối với thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 122m² tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là: 229.824.000đồng.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ, tài liệu của Chi cục Thuế thành phố B và của người khiếu nại cung cấp; đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Quyết định số 7022/QĐ-CCT ngày 29/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (lần đầu) là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật tại Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP, ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H gửi đến Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ngày 04/9/2019 (theo dấu công văn đến số 5303), đề ngày 03/9/2019 nội dung khiếu nại được xác minh là sai toàn bộ.

Do đó, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2868/QĐ-CT, ngày 14/10/2019 không công nhận nội dung Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H gửi đến Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ngày 04/9/2019 (theo dấu công văn

đến số 5303), đề ngày 03/9/2019; Giữ nguyên Quyết định số 7022/QĐ-CCT, ngày 29/8/2019 của Chi cục Thuế thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (lần đầu) và yêu cầu ông Nguyễn Văn H nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số LTB 1960501-TK0039619/TB-CCT ngày 21/6/2019 của Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bác toàn bộ nội dung Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H; Giữ nguyên giá trị pháp lý Quyết định số 2868/QĐ-CT, ngày 14/10/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (lần hai).

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trình bày:**

- Về thành phần hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông H, gồm có:

Đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn H đề ngày 10/11/2018 được Ủy ban nhân dân phường E xác nhận ngày 05/2/2018.

Danh sách công khai ngày 19/01/2018 của Ủy ban nhân dân phường E về việc kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất của ông Nguyễn Văn H do Ủy ban nhân dân phường E lập ngày 18/01/2018.

Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33, thửa đất tọa lạc phường E của ông Nguyễn Văn H.

Bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33, thửa đất tọa lạc phường E của ông Nguyễn Văn H.

Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33, thửa đất tọa lạc phường EaTam của ông Nguyễn Văn H.

Giấy cam kết hạn mức đất ở ngày 08/02/2018 của ông Nguyễn Văn H.

Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Đức T và bà Phạm Thị T cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị P được UBND phường EaTam công chứng số 27 quyền số 01/2008/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 22/02/2008.

Bản sao Sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Văn H.

Công văn số 817/PC15 ngày 08/5/2009 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk.

Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông ông Vũ Đức T và bà Phạm Thị T được Ủy ban nhân dân thành phố B ký ngày 22/9/2005 và chỉnh lý trang 4 cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị P ngày 07/3/2008.

Phiếu trình văn bản ngày 11/01/2019 của UBND thành phố B.

Báo cáo số 126/BC-CNBMT, ngày 28/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B về việc xử lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị P.

Biên bản làm việc ngày 22/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B với ông Nguyễn Văn H.

Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 23/7/2009 của UBND thành phố B về việc thu hồi và hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công văn số 99/CNBMT-ĐKTK ngày 14/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn H.

- Về quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Ngày 22/9/2005, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 976478, đối với thửa đất số 14B, tờ bản đồ số 33, diện tích 122m² đất ở, lô đất tọa lạc tại phường E, thành phố B cho hộ ông Vũ Đức T và bà Phạm Thị T.

Trong quá trình Cơ quan cảnh sát điều tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường E, thành phố B. Năm 2008 ông Vũ Đức T và bà Phạm Thị T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị P, ngày 07/3/2008, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B) đã ký chỉnh lý biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị P, địa chỉ tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 23/7/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 2062/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Điều 1 Quyết định thể hiện: *“Nay thu hồi và hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 976478 do UBND thành phố B cấp ngày 22/9/2005 cho hộ ông Vũ Đức T và bà Phạm Thị Tuấn, địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 122,0m², tọa lạc tại phường E, thành phố B”*. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị P được lưu tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B.

Năm 2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của ông Nguyễn Văn H đối với thửa đất số 60 (cũ 14A), tờ bản đồ số 33, thửa đất tọa lạc phường E có nguồn gốc: *Năm 1986, Hợp tác xã nông nghiệp A cấp cho ông YD lô đất ở và kinh tế vườn. Năm 2004, ông YD chuyển nhượng một phần diện tích đất trồng, năm 2005 ông T làm nhà ở và ngày 22/9/2005, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 976478 đối với thửa đất trên cho ông Vũ Đức T và bà Phạm Thị T. Đến năm 2008, hộ ông Vũ Đức T chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất cho ông Nguyễn Văn H và sử dụng ổn định cho đến nay (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC*

976478 đã được hủy theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B).

Căn cứ quy hoạch khu trung tâm phường E, thành phố B được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 23/QĐ-UBND, ngày 06/01/2011, thửa đất thuộc quy hoạch đất ở hiện trạng cải tạo.

Căn cứ nguồn gốc đất và thời điểm nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H, theo quy định hiện hành không có quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp nhận chuyển nhượng sau ngày 01/01/2008 mà không có giấy tờ thuộc khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, ngày 13/02/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có Thông báo số 82/TB-CNBMT về việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H.

Sau khi nhận lại hồ sơ, ông Nguyễn Văn H có đơn kiến nghị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Căn cứ nội dung đơn, ngày 28/12/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có Báo cáo số 126/BC-CNBMT gửi Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc xử lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị P.

Ngày 11/01/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B có ý kiến thống nhất đề xuất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H đối với thửa đất trên.

Ngày 14/01/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có Công văn số 99/CNBMT-ĐKTK về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn H, đồng thời đề nghị ông nộp lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/5/2019, ông Nguyễn Văn H nộp lại hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Căn cứ nguồn gốc đất nêu trên và căn cứ khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 19, 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ; ngày 12/6/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp tiền sử dụng đất với diện tích 121.8m² trong hạn mức đất ở theo giấy cam kết ngày 08/02/2018 của ông Nguyễn Văn H.

Việc lập Phiếu chuyển thông tin tài chính này là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thuế thành phố B trình bày:**

Ngày 12/8/2019, Chi cục Thuế thành phố B nhận được Phiếu chuyển số 4089/PC-CT của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk kèm theo Đơn khiếu nại đề ngày 01/8/2019 của ông Nguyễn Văn H, địa chỉ số 03 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông H khiếu nại toàn bộ Công văn số 3159/CCT-TBTK, ngày 19/7/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất

số: LTB1960501-TK0039619-TB-CCT, ngày 21/6/2019 xác định nghĩa vụ tài chính 100% với tổng số tiền 229.824.000 đồng phải nộp tại thửa đất số: 14A, tờ bản đồ số: 33, diện tích 121,8 m², đất tọa lạc tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 25/6/2019, ông Nguyễn Văn H làm đơn khiếu nại Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1960501-TK0039619-TB-CCT ngày 21/6/2019 của Chi cục Thuế thành phố B, sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông H thì Chi cục Trưởng Chi cục Thuế thành phố B đã phân công Đội kiểm tra nội bộ tham mưu và xử lý theo quy định pháp luật. Qua kết quả xác minh của Đội kiểm tra tại biên bản làm việc ngày 20/8/2019:

Ngày 13/6/2019, Chi cục Thuế nhận được Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số 1922148/2019/PCTTĐC, ngày 12/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố, tại Phiếu chuyển thông tin thể hiện thửa đất số 60; tờ bản đồ 33; diện tích 121,8m²; người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H, địa chỉ tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, mục đích sử dụng là đất ở đô thị; loại đường: Đường L; đoạn K đến P; Loại thủ tục là cấp giấy chứng nhận lần đầu; Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất là 121,8m².

Tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư Buôn A, phường E, thành phố B ngày 18/01/2018 có ghi nhận nội dung nguồn gốc sử dụng thửa đất: Năm 1986 Hợp tác xã nông nghiệp A cấp cho ông YD lô đất để ở và làm kinh tế vườn. Năm 2004, ông YD sang nhượng cho ông Vũ Đức T một phần diện tích đất không có nhà; năm 2005, ông T làm nhà ở và ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thành phố B cấp ngày 22/9/2005, thuộc thửa số 14A (thửa mới 60), tờ bản đồ số 33, diện tích 122m². Đến năm 2008, ông T sang nhượng toàn bộ diện tích nhà và đất cho ông Nguyễn Văn H và sử dụng ổn định cho tới nay. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên đã bị hủy giá trị pháp lý theo Quyết định số 2062/QĐ-UBND, ngày 23/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nay ông H xin cấp mới lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, diện tích hiện nay giảm 0,8m² là do phần diện tích thuộc lộ giới giao thông không được công nhận; thời điểm bắt đầu sử dụng vào mục đích đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận từ năm 2005.

Tại Công văn số 817/CV-PC15, ngày 08/5/2009 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, về việc xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái quy định gửi Ủy ban nhân dân thành phố B có nội dung: Năm 2005, ông T liên hệ với một số đối tượng để làm hồ sơ chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường E ghi lùi thời điểm chuyển nhượng về năm 1998 (Bộ hồ sơ này làm giả bằng cách phôi chữ ký nguyên phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, ký giả danh cán bộ địa chính). Hồ sơ này theo quy định của pháp luật về đất đai thì hộ ông Vũ Đức T phải nộp tiền sử dụng đất. Các cơ quan chức năng giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất trên không phải nộp tiền sử dụng đất đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành

Quyết định số 2062/QĐ-UBND, ngày 23/7/2009 về việc thu hồi và hủy giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC-976478 được cấp ngày 22/9/2005 với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái với quy định của pháp luật.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại Chi cục Thuế; hồ sơ, tài liệu do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp; Phiếu chuyển thông tin và kết quả xác minh thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai thì thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 121,8m², đất tọa lạc tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được xác định thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất bằng 100%.

Đối chiếu với những quy định của pháp luật có liên quan về đất đai, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo số: LTB1960501-TK0039619/TB-CCT, ngày 21/6/2019, mức thu được quy định tại điểm b, c, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017, với số tiền: 229.824.000 đồng; đối với thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B; với diện tích 121,8m² của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Chi cục thuế thành phố B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2020/HC-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP, ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Luật khiếu nại; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ nội dung Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2868/QĐ-CT ngày 14/10/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/7/2020 người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, Chi cục Thuế thành phố B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Theo qui định tại Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP, ngày 14/11/2017 của Chính phủ, ông H muốn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải nộp 100% tiền sử dụng đất. Ông H chỉ có thể tranh chấp về khoản tiền nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất qui định với vợ chồng ông T, bà T, chứ không phải cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Theo qui định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Thửa đất số 60 (số cũ là 14A), tờ bản đồ số 33, diện tích 121,8m² tọa lạc tại tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc của Hợp tác xã nông nghiệp A cấp cho ông YD để ở và làm kinh tế vườn vào năm 1986, đến năm 2004 ông YD sang nhượng cho ông Vũ Đức T một phần diện tích đất. Năm 2005, ông T làm nhà ở và được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC-976478 ngày 22/9/2005. Năm 2008, hộ ông T sang nhượng toàn bộ diện tích nhà và đất nói trên cho hộ ông Nguyễn Văn H.

[3] Ngày 08/5/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 817/CV-PC15 có nội dung: Vào năm 2005, ông T liên hệ với một số đối tượng để làm hồ sơ chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường E ghi lùi thời điểm chuyển nhượng về năm 1998 (bộ hồ sơ này làm giả bằng cách photo chữ ký nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, ký giả danh cán bộ địa chính) cho nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC-976478, thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 121,8m² do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 22/9/2005 mang tên ông Vũ Đức T là trái với quy định của pháp luật, làm thất thu ngân sách nhà nước.

[4] Căn cứ kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 23/7/2009 về việc thu hồi và hủy giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC-976478 được cấp ngày 22/9/2005 cho hộ ông Vũ Đức T với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái với quy định của pháp luật.

[5] Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP, ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, qui định:

“...

4. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm pháp luật đất đai kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà nay được Nhà nước xét cấp Giấy chứng nhận

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nguồn gốc vi phạm pháp luật đất đai theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014

của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) hoặc đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng nay phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 9 Điều 210 Luật đất đai thì phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất theo quy định thì được trừ số tiền đã nộp vào tiền sử dụng đất phải nộp; mức trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp”.

[6] Do đó, khi xem xét đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề ngày 10/01/2018 của ông Nguyễn Văn H; Cơ quan thuế cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC-976478 được cấp ngày 22/9/2005 đã bị thu hồi, hủy bỏ nên ông Hải thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo qui định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013, nên cơ quan thuế xác định ông Hải thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất 100% là đúng qui định pháp luật nêu trên. Vì vậy, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk không công nhận khiếu nại lần 2 của ông H là có cơ sở; Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Xét kháng cáo của ông H, thấy rằng: Ông H không thuộc trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Việc ông H đề nghị áp dụng Án lệ số 36/2020/AL trong trường hợp này là không phù hợp vì án lệ liên quan đến vụ án dân sự có nội dung xác định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi, hủy bỏ do sai sót về diện tích đất và trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án hành chính này, Tòa án không xem xét hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông H ký năm 2008 mà chỉ giải quyết vấn đề thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp tiền sử dụng đất đối với yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp trước đây bị thu hồi, hủy bỏ do vi phạm pháp luật đất đai. Theo qui định pháp luật viện dẫn trên, ông H là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T vào năm 2008, nay có yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải nộp 100% tiền sử dụng đất. Công văn số 817/CV-PC15 ngày 08/5/2009 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk có nội dung xác định nộp 50% tiền sử dụng đất đối với hộ ông Vũ Đức T, không áp dụng đối với hộ ông Nguyễn Văn H.

[8] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 09/2020/HC-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về các yêu cầu:

a. Tuyên hủy bỏ Quyết định số 2868/QĐ-CT, ngày 14/10/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H (lần hai).

b. Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính thuộc đối tượng không phải nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 (nay là khoản 1, khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) tại thửa đất số 14A, tờ bản đồ số 33, diện tích 122m², địa chỉ tổ dân phố 3, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, đã nộp tại biên lai số AA/2019/0008479 ngày 27/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đã nộp tại biên lai số AA/2019/0010338 ngày 08/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự